

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2026/DS-ST
Ngày: 11 - 3 - 2026
V/v tranh chấp hợp
đồng góp hụi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Kim Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Thà;
2. Bà Nguyễn Hồng Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Thái An – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lâm Hà Thuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 803/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2026/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1981; có mặt.

Cư trú tại: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Anh **Lê Văn T**, sinh năm 2000; vắng mặt.

Cư trú tại: Tổ A, ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/11/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh T có thỏa thuận góp hụi với nhau, cụ thể:

Dây hụi 2.000.000 đồng khai ngày 25/4/2023 âm lịch chị có tham gia góp hụi do anh T làm chủ thảo, hụi 01 tháng khai 01 lần, gồm 20 phần, chị góp 01 phần,

hội mần tháng 02/2025, chị đóng được 19 kỳ hội với số tiền thực đóng là 25.520.000 đồng, anh T chưa đăng hội cho chị. Việc nợ hội này anh T có ký giấy xác nhận nợ ngày 05/01/2025 số tiền 37.000.000 đồng.

Dây hội 2.000.000 đồng khai ngày 05/2/2024 dương lịch, 01 tháng khai 01 lần, hội có 18 phần do anh T làm chủ thảo, chị góp 01 phần, hội mần tháng 8/2025, chị đóng được 11 kỳ số tiền thực đóng là 14.670.000 đồng, nhưng chị có đồng ý cho anh T 7.000.000 đồng thì vào ngày 08/2/2025 anh T ký giấy xác nhận số tiền 15.000.000 đồng.

Ngược lại, anh T có tham gia góp với chị 01 dây hội 2.000.000 đồng khai ngày 30/7/2023 do chị làm chủ thảo, hội 01 tháng khai 01 lần, hội có gồm 20 phần, anh T góp 02 phần vị trí số 12, 13, hội mần vào ngày 30/3/2025. Anh Tú đã lĩnh hội cả 02 phần, sau đó anh T đóng hội và còn nợ 02 kỳ hội x 02 phần = 8.000.000 đồng.

Tổng cộng anh T còn nợ chị 60.000.000 đồng. Từ tháng 02/2025 đến nay anh T chưa trả được khoản tiền nào. Chị khởi kiện yêu cầu anh Lê Văn T hoàn trả số tiền hội 60.000.000 đồng.

Vào ngày 02/02/2026 chị H rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 8.000.000 đồng dây hội 2.000.000 đồng khai ngày 30/7/2023.

Nay chị yêu cầu anh Lê Văn T hoàn trả số tiền nợ hội 52.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Bị đơn – anh Lê Văn T trình bày:

Đúng là anh và chị H có thỏa thuận góp với nhau 03 dây hội, cụ thể:

Dây hội 2.000.000 đồng khai ngày 25/4/2023 âm lịch chị H có tham gia góp hội do anh làm chủ thảo, hội 01 tháng khai 01 lần, gồm 20 phần, chị H góp 01 phần và đóng được 19 kỳ, nay anh chỉ đồng ý trả lại số tiền gốc thực tế chị H đã đóng cho anh số tiền là 23.400.000 đồng;

Dây hội 2.000.000 đồng khai ngày 05/2/2024 dương lịch, 01 tháng khai 01 lần, hội có 18 phần, chị H góp 01 phần, chị H đóng được 11 kỳ, nay anh chỉ đồng ý trả lại số tiền gốc thực tế chị H đã đóng cho anh số tiền gốc là 14.670.000 đồng.

Ngoài ra, anh có tham gia góp ngược lại với chị H 01 dây hội 2.000.000 đồng khai ngày 30/7/2023, 01 tháng khai 01 lần, hội có gồm 20 phần, anh góp 02 phần, hội mần vào ngày 30/3/2025. Anh đã lĩnh hội vào ngày 30/6/2024, phần hội này anh đã đóng hội đầy đủ cho chị H, không còn nợ.

Do đó, nay anh chỉ đồng ý trả cho bà H 38.070.000 đồng, không đồng ý trả 52.000.000 đồng như chị H yêu cầu.

Anh thừa nhận anh có viết, ký tên vào giấy xác nhận nợ ngày 05/01/2025 số

tiền 37.000.000 đồng và ký tên vào giấy xác nhận ngày 08/2/2025 số tiền 15.000.000 đồng với chị H, nhưng giấy này anh ký trước ngưng hội và chị H có nói với anh “ký tên đi khi nào có thì trả”.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – chị Nguyễn Thị H trình bày: Nay chị chỉ yêu cầu anh T hoàn trả số tiền hội thực đóng cho anh T số tiền 40.190.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

- Bị đơn – anh Lê Văn T: Vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: qua công tác kiểm sát xét thấy từ khi thụ lý vụ án, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, chuyển hồ sơ vụ án, quá trình thu thập chứng cứ, lấy lời khai hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, các Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: các bên đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bị đơn anh Lê Văn T hoàn trả số tiền nợ hội 40.190.000 đồng, ghi nhận chị H không yêu cầu tính tiền lãi. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị H yêu cầu anh T trả đối với số tiền chênh lệch 19.810.000 đồng. Bị đơn anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H yêu cầu anh Lê Văn T hoàn trả số tiền nợ hội 40.190.000 đồng, xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị H và bị đơn anh T đều xác nhận việc chị H có tham gia góp hội do anh T làm chủ thảo 02 dây hội 2.000.000 đồng khai ngày 25/4/2023 âm lịch và dây hội 2.000.000 đồng khai ngày 05/2/2024

dương lịch, anh T còn nợ tiềnhui chị H là đúng sự thật. Tuy nhiên, anh T cho rằng chỉ đồng ý trả lại chị H số tiềnhui thực tế đã đóng 02 dâyhui số tiền 38.070.000 đồng, không đồng ý trả theo giấy ký xác nhận nợ với chị H. Xét thấy, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị H cung cấp giấy nợ thể hiện anh Lê Văn T ký tên xác nhận ngày 15/01/2025 có nợ chị H số tiềnhui 37.000.000 đồng, hẹn trả ngày 25/3/2025 và anh T có ký xác nhận ngày 08/2/2025 nợ tiềnhui chị H 15.000.000 đồng, hẹn ngày trả ngày 30/4/2025 việc này được anh T thừa nhận anh T tự viết nội dung và tự ký tên.

Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn chị H chỉ yêu cầu anh T hoàn trả số tiềnhui chị thực đóng dâyhui 2.000.000 đồng khui ngày 25/4/2023 âm lịch là 25.520.000 đồng và thực đóng dâyhui 2.000.000 đồng khui 05/2/2024 là 14.670.000 đồng, tổng cộng là 40.190.000 đồng, phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H cần buộc anh T hoàn trả số tiền nợhui 40.190.000 đồng, ghi nhận chị H không yêu cầu tính tiền lãi.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H cần buộc anh Lê Văn T có nghĩa vụ trả số tiền nợhui 40.190.000 đồng.

[2.2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H yêu cầu anh Lê Văn T hoàn trả số tiềnhui 19.810.000 (mười chín triệu, tám trăm mười nghìn) đồng.

[3] Do đó đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Theo quy định Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Anh Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm $40.190.000 \text{ đồng} \times 5 \% = 2.009.500 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với anh Lê Văn T về việc “Tranh chấp hợp đồng góphui”.

Buộc anh Lê Văn T có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 40.190.000 (bốn mươi triệu một trăm chín mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, anh Lê Văn T không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng anh T phải trả cho chị H số tiền lãi

đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H yêu cầu anh Lê Văn T hoàn trả số tiền hui 19.810.000 (mười chín triệu, tám trăm mười nghìn) đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Lê Văn T phải chịu 2.009.500 (hai triệu không trăm lẻ chín nghìn, năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0011773 ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Tây Ninh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV 11- TN;
- THADS tỉnh TN;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Kim Thu